

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HS - ST

Ngày 22 - 4 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Đán và bà Đoàn Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Là Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/HSST-QĐ ngày 17/4/2019, đối với các bị cáo:

1/ Tạ Văn T1, sinh năm 1979; Nơi ĐKNKTT, chỗ ở: tổ 2, phường LHP, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tạ Văn N (đã chết) và bà: Vương Thị L, sinh năm 1943; vợ: Phạm Thị N1, sinh năm 1979; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án; tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 22/01/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố PL, tỉnh Hà Nam (Có mặt tại phiên tòa).

2/ Phạm Văn B, sinh năm 1984; Nơi ĐKNKTT, chỗ ở: tổ 2, phường LHP, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn K, sinh năm 1954 và bà: Phạm Thị H, sinh năm 1956; vợ: Đỗ Thị T, sinh năm 1988; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án; tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 22/01/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố PL, tỉnh Hà Nam (Có mặt tại phiên tòa).

3/ Phạm Văn K, sinh năm 1993; Nơi ĐKNKTT, chỗ ở: tổ 2, phường LHP, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn B1 (đã chết) và bà: Phạm Thanh H1 (đã chết); vợ: con: Chưa có; tiền án; tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 22/01/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố PL, tỉnh Hà Nam (Có mặt tại phiên tòa).

4/ Phạm Văn L, sinh năm 1980; Nơi ĐKNKTT, chỗ ở: tổ 2, phường LHP, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Biên T1, sinh năm 1948 và bà: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1952; vợ: Phạm Thị H3, sinh năm 1982; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án; tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 06/4/2016, Tòa án nhân dân thành phố PL, tỉnh Hà Nam xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, về tội “Đánh bạc”. Bị tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 22/01/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố PL, tỉnh Hà Nam (Có mặt tại phiên tòa).

5/ Phạm Văn C, sinh năm 1973; Nơi ĐKNKTT, chỗ ở: tổ 2, phường LHP, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn L5 (đã chết) và bà: Tạ Thị Đ (đã chết); vợ: Phạm Thị M, sinh năm 1975; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án; tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 22/01/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố PL, tỉnh Hà Nam (Có mặt tại phiên tòa).

6/ Phạm Văn T, sinh năm 1980; Nơi ĐKNKTT, chỗ ở: tổ 2, phường LHP, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Tiến T6, sinh năm 1951 và bà: Nguyễn Thị T7, sinh năm 1958; vợ: Vũ Thu H6, sinh năm 1987; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/4/2016, Tòa án nhân dân thành phố PL, tỉnh Hà Nam xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, về tội “Đánh bạc”. Bị tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 22/01/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố PL, tỉnh Hà Nam (Có mặt tại phiên tòa).

7/ Nguyễn Văn D, sinh năm 1984; Nơi ĐKNKTT, chỗ ở: tổ 2, phường LHP, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông:

Nguyễn Văn N7, sinh năm 1943 và bà: Phạm Thị M7, sinh năm 1942; vợ: Hoàng Thị Thanh D7, sinh năm 1985; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án; tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 22/01/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố PL, tỉnh Hà Nam (Có mặt tại phiên tòa).

8/ Phạm Thanh T1, sinh năm 1966; Nơi ĐKNKTT, chỗ ở: tổ 2, phường LHP, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Tiến T8, sinh năm 1942 và con bà: Phạm Thị A, sinh năm 1942; vợ: Phạm Thị L8, sinh năm 1968; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án; tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 14/12/2004, Công an phường LHP, thành phố PL xử phạt hành chính 500.000đ về hành vi “Đánh bạc”; ngày 25/9/2007 Công an thị xã PL (nay là thành phố PL) xử phạt vi phạm hành chính 500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”. Bị tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 22/01/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố PL, tỉnh Hà Nam (Có mặt tại phiên tòa).

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Tạ Thị N2, sinh năm 1930; trú tại: tổ 2, phường LHP, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

* **Người chứng kiến:** Anh Phạm Hồng T2, sinh năm 1979; trú tại: tổ 2, phường LHP, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 17/01/2019, sau khi ăn cỗ đám cưới xong thì Tạ Văn T1, Phạm Thanh T1, Phạm Văn L, Phạm Văn T rủ nhau chơi đánh bạc. Tạ Văn T1 đi mua bộ bài tú lơ khơ rồi cùng L, Phạm Thanh T1, T đi đến nhà bà Tạ Thị N2 ngồi xuống chiếu đã có sẵn ở dưới sân nhà và cùng thống nhất đánh bạc dưới hình thức đánh “Liêng” được thua bằng tiền. Quy luật chơi và tỷ lệ được thua như sau: Các bị cáo sử dụng bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài, khi bắt đầu mỗi ván thì người chơi phải vào gà số tiền 20.000đ, người chia bài chia cho mỗi người 03 quân bài, người chia được lên bài và tổ trước với số tiền không quá 100.000đ, khi những người tiếp theo bỏ hoặc không tổ thêm tiền nữa thì người nào có bài to hơn sẽ thắng và được tất cả số tiền những người chơi đã vào gà. Cách tính điểm: Quân bài từ A, 2, 3 ... đến 9 tương ứng từ 1 đến 9 điểm, các quân bài 10, J, Q, K là 0 điểm. Nếu có 03 quân bài giống nhau ví dụ 03 quân 2,2,2 gọi là “Sáp”, nếu bài có 03 quân liền nhau ví dụ 2,3,4 gọi là “Liêng”, nếu bài có 03 quân đầu người ví dụ J J Q gọi là “Đĩ”, sau đó người chơi tính cộng điểm với nhau rồi tính đến chất từ Rô - Cơ - Tép - Bích. To nhất là Sáp, rồi đến Liêng, đến Đĩ, sau đó mới tính điểm. Nếu ai được Sáp thì những người còn lại phải trả 50.000đ.

Khi Tạ Văn T1, Phạm Văn L, Phạm Thanh T1, Phạm Văn T đánh bạc được một lúc thì Phạm Văn K, Nguyễn Văn D, Phạm Văn B, Phạm VănC đến tham gia chơi đánh bạc cùng đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an thành phố PL phát hiện bắt giữ.

*** Tài sản, đồ vật thu giữ gồm:**

- Thu giữ tại chiếu: Số tiền 4.690.000đ; 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân; 01 chiếc chiếu cói.

- Thu giữ của Phạm VănC: Số tiền: 1.050.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu bạc được niêm phong trong phong bì M4.

- Thu giữ của Phạm Văn T: Số tiền 500.000đ; 01 điện thoại di động Samsung J2 Pro màu vàng.

- Thu giữ của Nguyễn Văn D: Số tiền 610.000đ; 01 điện thoại di động Samsung J5 màu vàng.

- Thu giữ của Phạm Thanh T1: 01 điện thoại di động Iphone 5 màu bạc được niêm phong trong phong bì ký hiệu M9.

- Thu giữ của Phạm Văn B: 01 điện thoại di động OPPO màu xanh.

- Thu giữ của Phạm Văn L: Số tiền 600.000đ; 01 điện thoại di động Samsung J7 Prime màu vàng.

- Thu giữ của Phạm Văn K: Số tiền 3.000.000đ; 01 ví giả da màu đen; 01 điện thoại di động Sony XZ1 màu bạc.

- Thu giữ của Tạ Văn T1: Số tiền 1.500.000đ; 01 ví giả da màu đen được niêm phong trong phong bì ký hiệu M15; 01 điện thoại di động Nokia X1 màu đen.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, ngoài số tiền 4.690.000đ thu giữ trên chiếu bạc, thì các bị cáo còn sử dụng số tiền thu giữ trên người vào mục đích đánh bạc gồm: Phạm Văn T 500.000đ, Nguyễn Văn D 610.000đ, Phạm Văn K 3.000.000đ, Phạm Văn L 600.000đ, Phạm VănC 1.050.000đ. Do đó, tổng số tiền Tạ Văn T1, Phạm Thanh T1, Phạm Văn L, Phạm Văn T, Phạm Văn K, Nguyễn Văn D, Phạm Văn B, Phạm VănC sử dụng để đánh bạc là 10.450.000đ.

Từ những nội dung trên, bản cáo trạng số: 46/CT-VKS-PL ngày 20/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố PL đã truy tố các bị cáo Tạ Văn T1, Phạm Thanh T1, Phạm Văn L, Phạm Văn T, Phạm Văn K, Nguyễn Văn D, Phạm Văn B, Phạm VănC về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PL luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như đã nêu trong bản cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (đối với Tạ Văn T1, Phạm Văn B, Phạm Văn K, Phạm VănC, Nguyễn Văn D, Phạm Thanh T1); điểm s

khoản 1 Điều 51 (đối với Phạm Văn L, Phạm Văn T); khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 (đối với tất cả các bị cáo) của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị tuyên bố các bị cáo Tạ Văn T1, Phạm Thanh T1, Phạm Văn L, Phạm Văn T, Phạm Văn K, Nguyễn Văn D, Phạm Văn B, Phạm VănC phạm tội “Đánh bạc”; xử phạt:

Các bị cáo Tạ Văn T1, Phạm Thanh T1, Phạm Văn T, Phạm Văn L mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Các bị cáo Phạm Văn K, Nguyễn Văn D, Phạm Văn B, Phạm VănC mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

+ Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 321, Điều 35 của Bộ luật Hình sự, phạt các bị cáo mỗi bị cáo từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

+ Về xử lý vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu và tiêu hủy: 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 quân bài.

Trả lại: bà Tạ Thị N2 01 chiếu cói.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: số tiền 10.450.000đ.

Trả lại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu bạc của Phạm VănC; 01 điện thoại di động Samsung J2 Pro màu vàng của Phạm Văn T; 01 điện thoại di động Samsung J5 màu vàng của Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động Iphone 5 màu bạc của Phạm Thanh T1; 01 điện thoại di động OPPO màu xanh của Phạm Văn B; 01 điện thoại di động Samsung J7 Prime màu vàng của Phạm Văn L; 01 ví giả da màu đen, 01 điện thoại di động Sony XZ1 màu bạc của Phạm Văn K; số tiền 1.500.000đ, 01 ví giả da màu đen, 01 điện thoại di động Nokia X1 màu đen của Tạ Văn T1.

- Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố và nhất trí với bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã công bố tại phiên tòa. Các bị cáo không tranh luận bào chữa gì. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đánh giá về tội danh: Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra. Hội đồng xét xử thấy cơ bản phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang về thời gian,

địa điểm, diễn biến vụ án, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, vật chứng thu giữ cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được cơ quan điều tra thu thập.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 17/01/2019, tại sân nhà bà Tạ Thị N2 ở tổ 2, phường LHP, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; Tạ Văn T1, Phạm Thanh T1, Phạm Văn L, Phạm Văn T, Phạm Văn K, Nguyễn Văn D, Phạm Văn B, Phạm Văn C chơi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Liêng” với tổng số tiền 10.450.000đ thì bị lực lượng Công an thành phố PL phát hiện bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố PL đối với các bị cáo như bản cáo trạng đã nêu là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[3] Đánh giá về hình phạt:

* Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng trên địa bàn thành phố PL, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội. Hành vi này nếu không được ngăn chặn kịp thời sẽ kéo theo nhiều hệ lụy cho gia đình và xã hội. Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm bằng một hình phạt nhất định, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

- Tuy nhiên, cần xem xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy: Bị cáo Tạ Văn T1 là người trực tiếp chuẩn bị công cụ (mua bộ bài tú lơ khơ để cùng các bị cáo khác đánh bạc), nên giữ vai trò chính trong vụ án. Các bị cáo Phạm Thanh T1, Phạm Văn L, Phạm Văn T, Phạm Văn K, Nguyễn Văn D, Phạm Văn B, Phạm Văn C cùng tham gia đánh bạc nên giữ vai trò đồng phạm.

- Khi lượng hình cũng cần cân nhắc đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo để áp dụng hình phạt cho phù hợp.

Về nhân thân: Các bị cáo Tạ Văn T1, Phạm Văn B, Phạm Văn K, Phạm Văn C, Nguyễn Văn D đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Văn T đã từng bị xét xử về tội “Đánh bạc” nhưng đến nay đã được xóa án tích. Bị cáo Phạm Thanh T1 đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” đến nay đã được xóa. Song các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Văn T và Phạm Thanh T1 không lấy đó làm bài học để rèn luyện chính mình mà vẫn tiếp tục có hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc trong khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo Tạ Văn T1, Phạm Văn B, Phạm Văn K, Phạm Văn C, Nguyễn Văn D, Phạm Thanh T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Tạ Văn T1 có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân sức khỏe yếu. Bị cáo Nguyễn Văn D là lao động chính trong gia đình, có bố đẻ tham gia kháng chiến là bệnh binh. Bị cáo Phạm Văn C có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo Phạm Văn T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao

động chính trong gia đình, có bố đẻ tham gia kháng chiến (là thương binh 4/4). Bị cáo Phạm Văn B là lao động chính trong gia đình. Bị cáo Phạm Thanh T1 là lao động chính trong gia đình, bản thân bị bệnh tật ốm yếu. Bị cáo Phạm Văn L là lao động chính trong gia đình, có bố mẹ vợ là người có công với cách mạng được tặng thưởng huy chương kháng chiến. Bị cáo Phạm Văn K có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ mất sớm. Vì vậy, các bị cáo Tạ Văn T1, Phạm Văn B, Phạm Văn K, Phạm Văn C, Nguyễn Văn D, Phạm Thanh T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Xem xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Văn T và Phạm Thanh T1 đã từng bị xét xử và xử phạt vi phạm hành chính nhưng đến nay đã được xóa. Do vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, điều này thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

* Về hình phạt bổ sung: Xét mục đích phạm tội của các bị cáo là đánh bạc để trục lợi bất chính về kinh tế, nên phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo để áp dụng mức phạt cho phù hợp.

[4] Về các tình tiết khác: Đối với bà Tạ Thị N2 là chủ nhà nơi các bị cáo Tạ Văn T1, Phạm Văn B, Phạm Văn K, Phạm Văn L, Phạm Văn C, Phạm Văn T, Nguyễn Văn D, Phạm Thanh T1 thực hiện hành vi đánh bạc, nhưng bà N2 không có nhà, không cho các bị cáo mượn địa điểm để đánh bạc, nên bà N2 không đồng phạm với các bị cáo trong vụ án.

[5] Về vật chứng:

- Đối với 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 quân bài là công cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) chiếc cối là tài sản của bà Tạ Thị N2 cần trả lại cho bà N2 là phù hợp pháp luật.

- Đối với số tiền 10.450.000đ (trong đó thu tại chiếu nơi các bị cáo đánh bạc là 4.690.000đ, Phạm Văn C 1.050.000đ, Phạm Văn T 500.000đ, Nguyễn Văn D 610.000đ, Phạm Văn L 600.000đ và Phạm Văn K 3.000.000đ) là số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu bạc của Phạm Văn C (sau khi mở niêm phong được niêm phong lại trong phong bì ký hiệu A5); 01 điện thoại di động Samsung J2 Pro màu vàng của Phạm Văn T; 01 điện thoại di động Samsung J5 màu vàng của Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động Iphone 5 màu bạc (sau khi mở niêm phong được niêm phong lại trong phong bì ký hiệu A6) của Phạm Thanh T1; 01 điện

thoại di động OPPO màu xanh của Phạm Văn B; 01 điện thoại di động Samsung J7 Prime màu vàng của Phạm Văn L; 01 ví giả da màu đen, 01 điện thoại di động Sony XZ1 màu bạc của Phạm Văn K; số tiền 1.500.000đ, 01 ví giả da màu đen, 01 điện thoại di động Nokia X1 màu đen của Tạ Văn T1. Các tài sản, đồ vật trên là tài sản hợp pháp của các bị cáo không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho các bị cáo.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65; Điều 35 của Bộ luật Hình sự (đối với tất cả các bị cáo); điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (đối với Tạ Văn T1, Phạm Văn B, Phạm Văn K, Phạm Văn C, Nguyễn Văn D, Phạm Thanh T1); điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (đối với Phạm Văn L, Phạm Văn T).

Căn cứ các Điều 106; 135; 136; 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên bố: Các bị cáo Tạ Văn T1, Phạm Văn B, Phạm Văn K, Phạm Văn L, Phạm Văn C, Phạm Văn T, Nguyễn Văn D, Phạm Thanh T1 phạm tội “Đánh bạc”.

[3] Xử phạt:

- Tạ Văn T1 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạm Văn L 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (B mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạm Văn T 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (B mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạm Thanh T1 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạm Văn B 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Nguyễn Văn D 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạm Văn C 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạm Văn K 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho Ủy Bn nhân dân phường LHP, thành phố PL, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[4] Về hình phạt bổ sung:

- Phạt các bị cáo Tạ Văn T1, Phạm Thanh T1, Phạm Văn L, Phạm Văn T mỗi bị cáo 2.000.000 đ (hai triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

- Phạt các bị cáo Phạm Văn B, Phạm Văn K, Phạm VănC, Nguyễn Văn D mỗi bị cáo 1.000.000 đ (một triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân.

- Trả lại bà Tạ Thị N2 01 (một) chiếc cối.

- Tịch thu và sung Ngân sách Nhà nước: số tiền 10.450.000đ (mười triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

- Trả lại: Phạm Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu bạc (được niêm phong trong phong bì ký hiệu A5); Phạm Văn T 01 điện thoại di động Samsung J2 Pro màu vàng; Nguyễn Văn D 01 điện thoại di động Samsung J5 màu vàng; Phạm Thanh T1 01 điện thoại di động Iphone 5 màu bạc (được niêm phong trong phong bì ký hiệu A6); Phạm Văn B 01 điện thoại di động OPPO màu xanh; Phạm Văn L 01 điện thoại di động Samsung J7 Prime màu vàng; Phạm Văn K 01 ví giả da màu đen, 01 điện thoại di động Sony XZ1 màu bạc; Tạ Văn T1 số tiền 1.500.000đ, 01 ví giả da màu đen, 01 điện thoại di động Nokia X1 màu đen.

(Các vật chứng nêu trên có tình trạng, đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố PL và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PL ngày 22/3/2019 và Ủy nhiệm chi số 16 lập ngày 27/3/2019).

[6] Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Tạ Văn T1, Phạm Văn B, Phạm Văn K, Phạm Văn L, Phạm Văn T, Phạm VănC, Nguyễn Văn D, Phạm Thanh T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố PL;
- CQ CSĐT CA thành phố PL;
- Chi cục THADS thành phố PL;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thị Xuyên